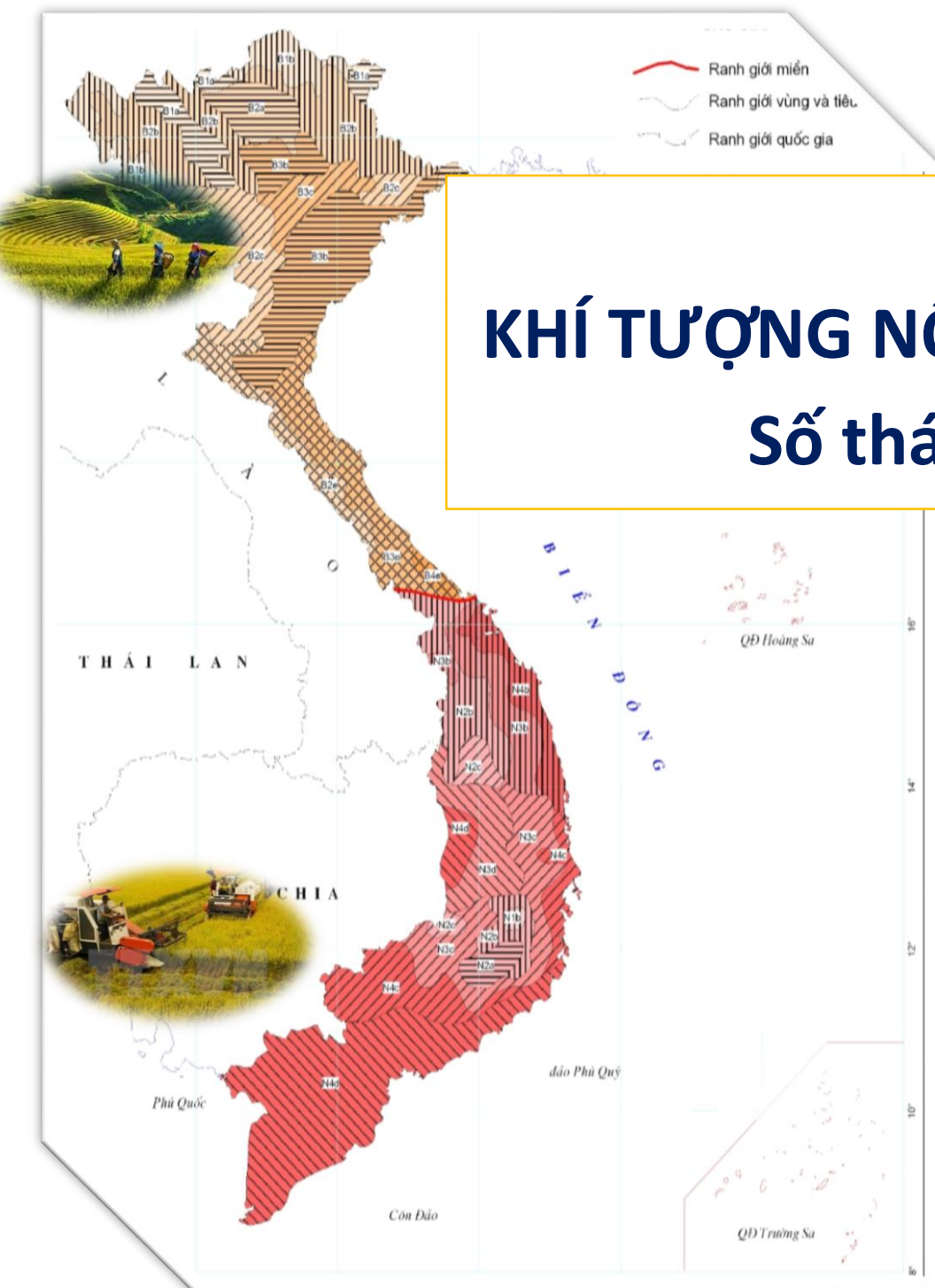




BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐỒI KHÍ HẬU
Số 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội



THÔNG BÁO

KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP

Số tháng VIII/2020

Hà Nội, tháng 9 năm 202

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	2
I. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG THÁNG VIII/2020.....	3
1.1. Vùng Tây Bắc.....	3
1.2. Vùng Việt Bắc	5
1.3. Vùng Đông Bắc	7
1.4. Vùng Đồng Bằng Bắc Bộ.....	8
1.5. Vùng Bắc Trung Bộ.....	10
1.6. Vùng Trung Trung Bộ	12
1.7. Vùng Nam Trung Bộ	13
1.8. Vùng Tây Nguyên.....	15
1.9. Vùng Nam Bộ.....	16
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VIII/2020.....	18
2.1. Đối với cây lúa.....	19
2.2. Đối với các loại rau màu	20
2.3. Tình hình sâu bệnh.....	21
III. KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP	23
3.1. TÓM TẮT NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU 3 THÁNG IX-XI NĂM 2020.....	23
3.2. KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP.....	23

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Tổng cục Khí tượng Thủy văn cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: Số s23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (0243) 7733090-407

Fax: (0243) 8358626

Email: ktnn407@gmail.com nguyenson.imh@gmail.com

Webside: <http://imh.ac.vn/nghep-vu/cat54/Thong-bao-khi-tuong-nong-nghep>

I. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG THÁNG VIII/2020

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng VIII/2020 tại các địa phương trong cả nước đều phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN ($0,1^{\circ}\text{C}$ đến $1,9^{\circ}\text{C}$), (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại hầu hết các địa phương cao hơn giá trị TBNN (từ 0 đến 378mm), ngoại trừ một số khu vực Tây Bắc (Mường Tè, Quỳnh Nhai, Than Uyên, Tuần Giáo); Việt Bắc (Tuyên Quang, Lào Cai, Định Hóa); Đông Bắc (Cao Bằng, Lạng Sơn), Tây Nguyên, Nam Bộ (ven biển và bán đảo Cà Mau) thấp hơn TBNN từ 0mm đến 150mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương từ Trung Trung Bộ trở ra phía Bắc thấp hơn TBNN từ 0 – 73 giờ; khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ cao hơn TBNN từ 0 giờ đến 60 giờ. Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN từ 0% đến 11%.

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng VIII/2020 ở từng vùng của nước ta như sau

1.1. Vùng Tây Bắc

1.1.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2020 dao động từ 21°C đến $28,6^{\circ}\text{C}$, (Hình 1) và cao hơn TBNN từ $0,4^{\circ}\text{C}$ đến $1,5^{\circ}\text{C}$, riêng tại trạm Quỳnh Nhai thấp hơn TBNN $0,4^{\circ}\text{C}$ và phổ biến thấp hơn năm 2019 từ $0-1,1^{\circ}\text{C}$ (Hình 10, bảng 1).

Nhiệt độ thấp nhất bình tháng VIII/2020 phổ biến dao động từ $19,2^{\circ}\text{C}$ đến $25,8^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất trong tháng là $17,7^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 18/VIII/2020 tại Shìn Hồ (Lai Châu).

Nhiệt độ cao nhất trung bình tháng VIII/2020 phổ biến dao động từ $22,4^{\circ}\text{C}$ đến $33,4^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất trong tháng là $38,1^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào các ngày 10/VIII/2020 tại Lạc Sơn (Hòa Bình).

1.1.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa tháng VIII/2020 dao động từ 203 đến 688mm, phổ biến ở mức cao hơn TBNN từ 0 đến 298mm; một số khu vực Mường Tè, Tuần Giáo, Than Uyên, Quỳnh Nhai thấp hơn TBNN khoảng từ 0 đến 147mm. Tổng lượng mưa tháng hầu hết các khu vực trong vùng phổ biến cao hơn cùng thời kỳ năm 2019 từ 0mm đến 415mm, ngoại trừ một số khu vực thuộc Sơn La (Mai Châu, Mộc Châu, Phù Yên, Cò Nòi) thấp hơn từ 36 – 410mm (Hình 11, Bảng 1).

Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 43mm đến 122mm, cao nhất là 153mm xảy ra vào ngày 6/VIII/2020 Tại Điện Biên.

Số ngày mưa trong tháng dao động từ 18 đến 28 ngày. Số ngày không mưa liên tục từ 2 đến 9 ngày. Số ngày mưa liên tục từ 7 đến 22 ngày.

1.1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

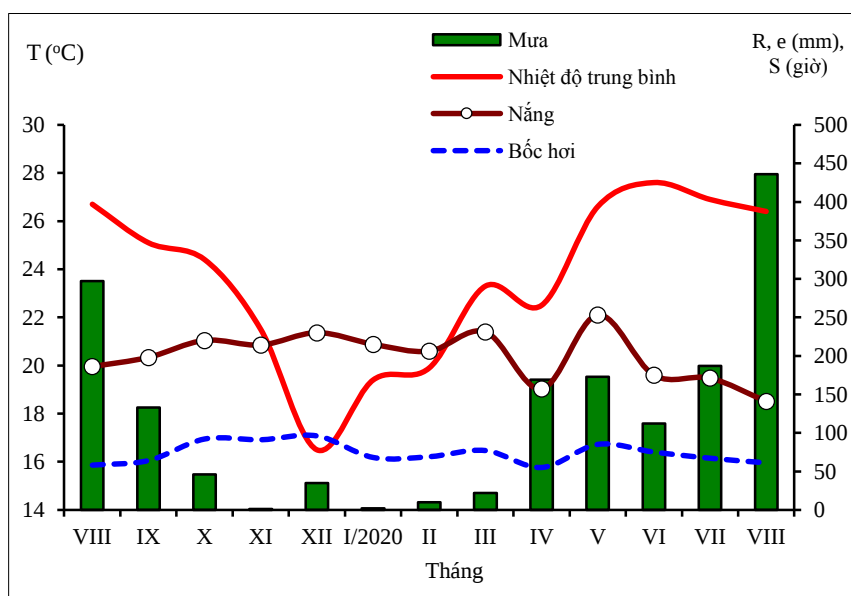
Tổng số giờ nắng tháng VIII/2020 dao động từ 106 giờ đến 159 giờ, phổ biến ở mức thấp hơn TBNN từ 4 giờ đến 43 giờ và thấp hơn năm 2019 từ 8-90 giờ (Hình 12, bảng 1).

Độ ẩm không khí trung bình tháng VIII/2020 dao động từ 79 đến 90%, phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN từ 0% đến 8% và cao hơn so với năm 2019 từ 1-8% (Hình 13, bảng 1). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 50% xảy ra vào ngày 28/VIII/2020 tại Sìn Hồ, ngày 27/VIII/2020 tại Cò Nòi và ngày 24/VIII/2020 tại Phù Yên.

Tổng lượng bốc hơi tháng VIII/2020 dao động từ 36 đến 135mm, thấp hơn giá trị lượng mưa từ 158mm đến 633mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được từ 2 đến 10mm.

1.1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện 6-20 ngày.
- Thời tiết khô nóng xuất hiện phổ biến từ 1 – 3 ngày với cường độ nhẹ, nhiều nhất là tại Phù Yên xảy ra 7 ngày với cường độ nhẹ.



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng VIII/2019 đến tháng VIII/2020 tại trạm Điện Biên

Bảng 1. Đặc trưng một số yếu tố khí hậu nông nghiệp vùng Tây Bắc

Tên trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)			Lượng mưa (mm)			Số giờ nắng (giờ)			Độ ẩm (%)		
	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN
Mường Tè	27,3	-0,3	1,1	358	146,0	-141,2	118	-86,0	-38,1	85	-2,0	-1
Sìn Hồ	21	-0,2	1,5	688	415,0	193,1	108	-79,0	-23,8	86	5,0	-4
Tam Đường	23,9	-0,7	1,1	510	340,0	124,4	106	-79,0	-42,5	87	1,0	-1
Than Uyên	25,5	-1,0	0,6	334	71,0	-72,8	140	-63,0	-9,3	86	8,0	4
Lai Châu	27,1	-1,3	0,5	412	72,0	41,4	144	-90,0	-7,4	88	6,0	1
Tuần Giáo	25,8	-0,4	1,0	230	75,0	-60,3	146	-57,0	1,2	86	1,0	-2
Điện Biên	26,4	-0,3	1,0	436	139,0	90,0	141	-45,0	-4,0	87	0,0	0
Quỳnh nhai	26,6	-0,9	-0,4	203	50,0	-146,9	142	-64,0	-12,5	79	-2,0	-8

Sơn La	25,3	-0,3	0,7	395	253,0	115,5	159	-39,0	1,6	86	1,0	-1
Sông Mã	26,7	-0,7	0,8	247	31,0	-7,8	158	-20,0	15,0	86	5,0	-2
Cò Nòi	25,4	-0,4	1,3	284	-36,0	-11,5	152	-31,0	-11,8	85	0,0	-2
Yên Châu	27,3	-0,3	1,0	387	100,0	107,4	151	-18,0	-7,1	86	5,0	0
Bắc Yên	25,3	-0,2	0,8	376	83,0	64,1	159	-19,0	7,9	89	2,0	2
Phù Yên	28,1	-0,2	1,1	362	-39,0	57,0	156	-51,0	-4,7	83	2,0	-2
Mộc Châu	23,6	0,2	1,2	312	-432,0	-19,4	134	-37,0	-19,2	89	1,0	1
Mai Châu	27,9	0,1	1,0	389	-410,0	44,6	132	-1,0	-10,4	86	0,0	0
Kim Bôi	28	-0,3	0,6	632	123,0	281,5	149	-1,0	-19,4	88	0,0	2
Chi Nê	28,4	-0,1	0,4	685	226,0	298,0	144	-8,0	-12,9	84	5,0	-2
Hoà Bình	28,6	-0,3	0,9	546	98,0	204,1	153	-17,0	-9,3	85	0,0	-1

1.2. Vùng Việt Bắc

1.2.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2020 dao động từ 19 đến 29°C, (Hình 2) và cao hơn TBNN từ 0,4 đến 1,9°C và thấp hơn năm 2019 từ 0,1 - 1,6°C (Hình 10, bảng 2).

Nhiệt độ thấp nhất bình tháng VIII/2020 phổ biến dao động từ 17,4 đến 26,4°C, giá trị thấp nhất trong tháng là 16°C xảy ra vào ngày 3/VIII/2020 tại SaPa.

Nhiệt độ cao nhất trung bình tháng VIII/2020 phổ biến dao động từ 21,9 đến 33,9°C, giá trị cao nhất trong tháng là 37,7°C xảy ra vào ngày 26/VIII/2020 tại Thái Nguyên.

1.2.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa tháng VIII/2020 dao động từ 203 đến 495mm, cao nhất là 754mm xảy ra tại khu vực SaPa và 827mm tại Bắc Quang. Phổ biến ở mức cao hơn TBNN từ 25,1 đến 275,9mm, riêng tại khu vực trạm Lào Cai, Tuyên Quang, Định Hóa thấp hơn TBNN từ 5,2 mm đến 107mm. Tổng lượng mưa tháng hầu hết các khu vực trong vùng phổ biến cao hơn cùng thời kỳ năm 2019 từ 8mm đến 346mm ngoại trừ một số khu vực như Định Hóa, Phú Hộ, Tuyên Quang thấp hơn từ 24mm đến 148mm (Hình 2, Hình 11, Bảng 2).

Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 27mm đến 142mm, cao nhất là 197mm xảy ra vào ngày 13/VIII/2020 Tại Lục Yên.

Số ngày mưa trong tháng dao động từ 16 đến 29 ngày. Số ngày không mưa liên tục từ 1 đến 7 ngày. Số ngày mưa liên tục từ 6 đến 19 ngày.

1.2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng tháng VIII/2020 dao động từ 82 giờ đến 227 giờ, phổ biến ở mức thấp hơn TBNN từ 1 giờ đến 56 giờ và thấp hơn năm 2019 từ 8-88 giờ (Hình 12, bảng 2).

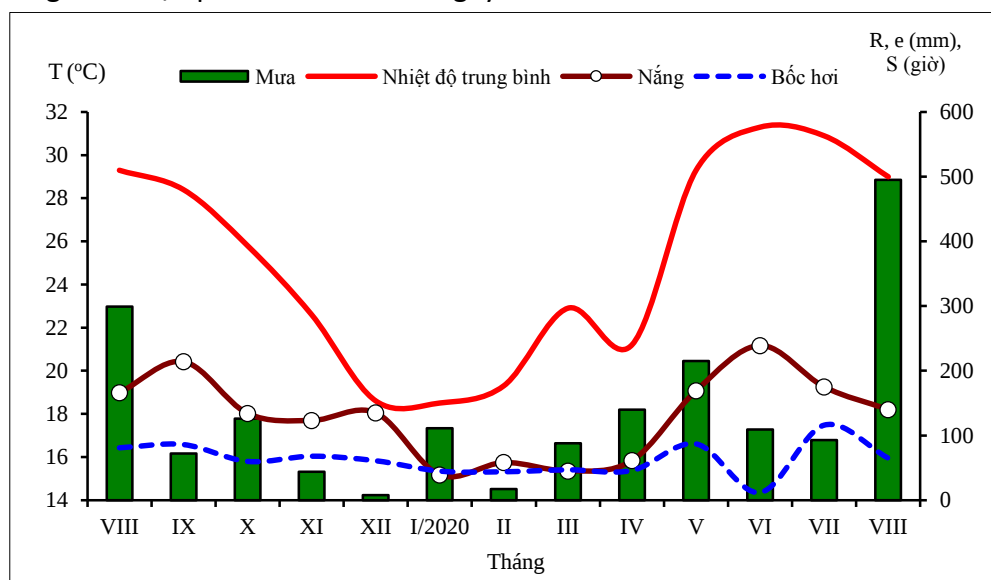
Độ ẩm không khí trung bình tháng VIII/2020 dao động từ 82 đến 90%, phổ biến xấp xỉ giá trị TBNN và cao hơn so với năm 2019 từ 2-7% (Hình 13, bảng 2). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 47% xảy ra vào ngày 27/VIII/2020 tại Bảo Lạc.

Tổng lượng bốc hơi tháng VIII/2020 dao động từ 42 đến 101mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được từ 2 đến 6mm. Phổ biến ở mức thấp hơn tổng lượng mưa tháng từ 124mm đến 779mm.

1.2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Thời tiết khô nóng xuất hiện phổ biến từ 1 - 3 với cường độ nhẹ, nhiều nhất là tại Bảo Lạc xảy ra 6 ngày với cường độ nhẹ.

- Đông xuất hiện phổ biến từ 3 - 23 ngày.



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng VIII/2019 đến tháng VIII/2020 tại trạm Việt Trì

Bảng 2. Đặc trưng một số yếu tố khí hậu nông nghiệp vùng Việt Bắc

Tên trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)			Lượng mưa (mm)			Số giờ nắng (giờ)			Độ ẩm (%)		
	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN
Lào Cai	28,7	-0,9	1,4	286	8,0	-44,5	167	-59,0	-1,1	84	3,0	-3
Bắc Hà	23,9	-0,2	0,8	401	57,0	138,4	120	-58,0	-12,8	89	0,0	1
Sa Pa	19	-1,6	-0,5	754	-24,0	275,9	87	-88,0	-27,3	90	3,0	1
Mù Căng Chải	24,1	-0,1	1,9	377	153,0	25,1	82	-80,0	-56,2	90	7,0	4
Yên Bái	28,3	-0,6	0,8	445	-23,0	45,2	139	-69,0	-34,1	87	1,0	0
Lục Yên	28,3	-0,3	0,9	482	151,0	62,4	143	-60,0	-37,1	87	3,0	1
Hà Giang	28	-0,8	0,4	482	190,0	61,4	152	-58,0	-21,8	86	3,0	0
Bắc Quang	28,2	-0,8	0,9	827	346,0	200,6	148	-61,0	-16,2	82	1,0	-4
Tuyên Quang	29	0,0	1,4	203	-53,0	-101,5	165	-36,0	-16,6	83	0,0	-3
Bắc Cạn	27,9	-0,2	0,9	308	14,0	-5,2	178	-8,0	3,8	87	2,0	1
Thái Nguyên	28,6	-0,3	0,7	396	82,0	5,7	149	-16,0	-32,7	83	-1,0	-3
Định Hóa	28,3	-0,2	0,8	251	-148,0	-107,0	161	-43,0	-0,7	87	1,0	2
Phú Hộ	28,4	-0,2	0,6	245	-85,0	-83,5	145	-28,0	-33,2	84	-3,0	-1
Việt Trì	29	-0,3	0,9	495	196,0	182,6	140	-26,0	-39,2	85	-1,0	0

1.3. Vùng Đông Bắc

1.3.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2020 dao động từ 25,8 đến 28,8°C, ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 0,3°C đến 0,9°C và thấp hơn so với năm 2019 từ 0,1°C đến 0,4°C (Hình 3, bảng 3), (Hình 10).

Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng VIII/2020 dao động từ 30,4°C đến 33,4°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 37,5°C xảy ra vào ngày 27/VIII tại Lục Ngạn và Sơn Động.

Nhiệt độ thấp nhất trung bình từ 23,1°C đến 26,4°C, giá trị thấp nhất là 21,8°C xảy ra vào ngày 20/VIII tại Trùng Khánh.

1.3.2. Diễn biến về lượng mưa

Lượng mưa tháng VIII/2020 dao động từ 153mm đến 848mm, phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 9mm đến 292,2mm, riêng một số trạm thấp hơn TBNN như Cao Bằng, Bảo Lạc, Lạng Sơn từ 40-114mm (Hình 11, bảng 3) và cao hơn năm 2019 từ 16mm đến 368mm ngoại trừ trạm Cao Bằng thấp hơn TBNN 102mm, Lạng Sơn 143mm. Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 30 đến 191mm.

Số ngày mưa trong tháng dao động từ 15 đến 23 ngày. Số ngày mưa liên tục từ 7 đến 13 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 11 ngày.

1.3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Số giờ nắng tháng VIII/2020 dao động từ 144 đến 208 giờ, phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN từ 7 giờ đến 74 giờ ngoại trừ một số khu vực phía Bắc vùng Đông Bắc cao hơn TBNN từ 8 đến 26 giờ và cao hơn năm 2019 từ 1 đến 53 giờ. (Hình 12, bảng 3).

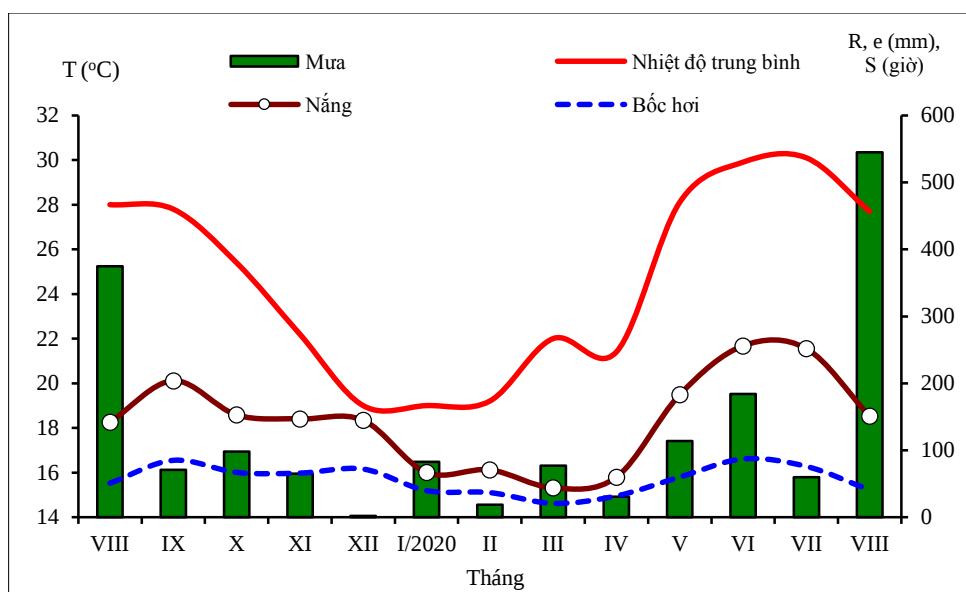
Độ ẩm không khí trung bình tháng VIII/2020 dao động từ 78% đến 91%, phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN. Giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 40% xảy ra vào ngày 27/VIII/2020 tại Trùng Khánh.

Tổng lượng bốc hơi tháng dao động từ 41 đến 74mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3 đến 6mm. Thấp hơn tổng lượng mưa tháng từ 90mm đến 711mm (Hình 14)

1.3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Thời tiết khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 5 ngày trong đó 1 ngày với cường độ mạnh xảy ra tại Sơn Động.

- Đông xuất hiện ở hầu hết các nơi từ 9 – 18 ngày, tại khu vực Lạng Sơn và Sơn Động không xảy ra.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng VIII/2019 đến tháng VIII/2020 tại trạm Phù Liên

Bảng 3. Đặc trưng một số yếu tố khí hậu nông nghiệp vùng Đông Bắc

Tên trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)			Lượng mưa (mm)			Số giờ nắng (giờ)			Độ ẩm (%)		
	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN
Cao Bằng	27,6	0.1	0.8	153	-102.0	-114.1	194	38.0	7.6	85	0.0	-1
Bảo Lạc	27,8	-0.1	0.8	214	33.0	-40.3	168	-21.0	9.8	87	2.0	2
Trùng Khánh	25,8	-0.3	0.4	464	196.0	155.9	177	-2.0	9.2	85	0.0	1
Thất Khê	27,8	0.1	0.7	291	-27.0	9.0	177	1.0	-6.6	88	3.0	2
Lạng Sơn	27,3	-0.1	0.7	178	-143.0	-77.0	180	13.0	12.6	83	-1.0	-2
Hữu Lũng	28,6	0.0	0.9	274	24.0	-9.5	208	53.0	26.2	85	-1.0	-1
Tiên Yên	27,7	-0.3	0.4	768	77.0	292.2	144	-19.0	-9.1	90	3.0	3
Uông Bí	636	-0.2	0.4	636	368.0	217.2	161	7.0	-73.6	87	0.0	1
Lục Ngạn	28,3	-0.4	0.3	328	16.0	62.5	173	-2.0	-7.3	84	1.0	-2
Sơn Động	28	-0.4	0.6	532	67.0	228.4	156	10.0	-6.6	86	1.0	0
Bắc Giang	28,8	-0.3	0.5	344	80.0	39.7	155	-11.0	-33.6	83	2.0	-1
Phù Liên	27,7	-0.3	0.0	545	170.0	196.4	151	9.0	-15.0	91	-2.0	3

1.4. Vùng Đồng Bằng Bắc Bộ

1.4.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2020 dao động từ 28,4°C đến 29,3°C, ở mức cao hơn TBNN từ 0,1 đến 1,1°C (Hình 10, bảng 4) và thấp hơn năm 2019 từ 0,1 đến 0,7°C.

Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng dao động từ 31,5 đến 33,3°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 37,8°C xảy ra vào ngày 26/VIII/2020 tại Láng.

Nhiệt độ thấp nhất trung bình tháng dao động từ 25,9 đến 27°C, giá trị nhiệt độ thấp

nhất là 22,9°C xảy ra vào ngày 14/VIII/2020 tại Văn Lý.

1.4.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa tháng VIII/2020 dao động từ 301mm đến 650mm, phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 6mm đến 316,6mm. So với năm 2019 thì tổng lượng mưa tháng phần lớn các khu vực đều thấp hơn từ 71mm đến 250mm, ngoại trừ khu vực trạm Vĩnh Yên, Văn Lý cao hơn từ 18mm - 326mm (Hình 4, bảng 4) và (Hình 11).

Lượng mưa ngày lớn nhất từ 60mm đến 122mm, cao nhất là 174mm xảy ra ngày 5/VIII/2020 tại Vĩnh Yên.

Số ngày mưa trong tháng dao động từ 16 đến 28 ngày; số ngày mưa liên tục từ 7 đến 14 ngày; số ngày không mưa liên tục từ 2 đến 9 ngày.

1.4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

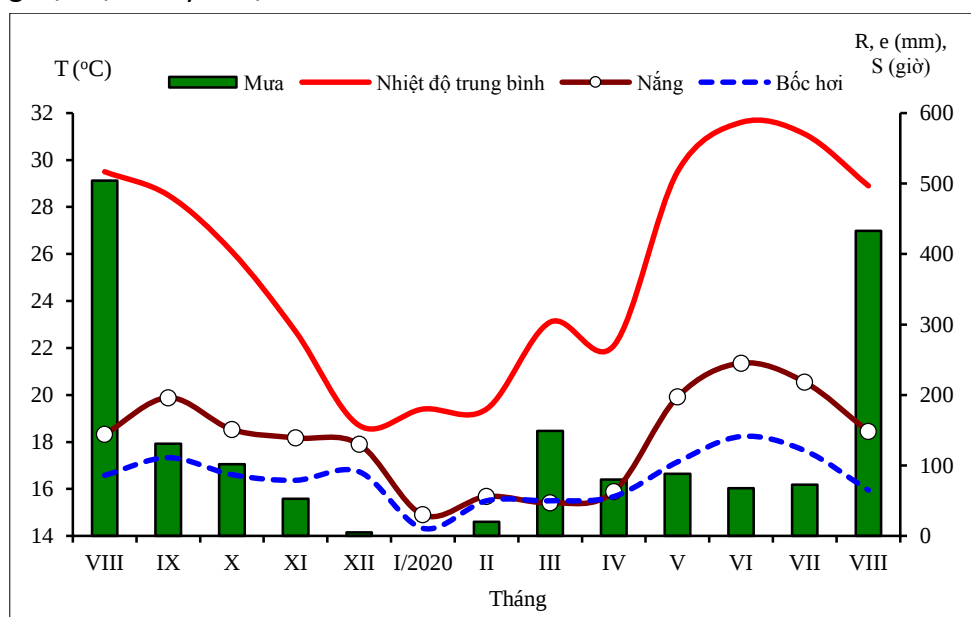
Tổng số giờ nắng tháng VIII/2020 ở các nơi trong vùng dao động từ 116 giờ đến 185 giờ; ở mức thấp hơn giá trị TBNN từ 16 giờ đến 47 giờ, và thấp hơn năm 2019 từ 11 đến 28 giờ. (Hình 12, bảng 4).

Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 82% đến 89%, phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 0 đến 3%, cao hơn năm 2019 từ 0 đến 4% (Hình 13, bảng 4). Giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 40% xảy ra vào ngày 10/VIII/2020 tại Ninh Bình.

Tổng lượng bốc hơi tháng dao động từ 37 đến 84mm, tổng lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3 đến 5mm. Phổ biến ở mức thấp hơn tổng lượng mưa từ 217mm đến 580mm..

1.4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện 12 - 19 ngày .
- Thời tiết khô nóng xuất hiện ở hầu hết các khu vực từ 1 – 5 ngày trong đó có 1 ngày với cường độ mạnh xảy ra tại Ninh Bình.



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng VIII/2019 đến tháng VIII/2020 tại trạm Hà Đông

Bảng 4. Đặc trưng một số yếu tố khí hậu nông nghiệp vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Tên trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)			Lượng mưa (mm)			Số giờ nắng (giờ)			Độ ẩm (%)		
	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN
Vĩnh Yên	29,2	-0.3	0.7	650	326.0	316.6	142	-20.0	-46.8	84	2.0	0
Láng	29,3	-0.7	1.1	389	-100.0	71.0	116	-21.0	-46.8	82	4.0	-4
Sơn Tây	29,3	-0.4	0.4	557	75.0	221.8	142	-28.0	-36.3	87	4.0	2
Hà Đông	28,9	-0.6	0.6	433	-71.0	162.6	148	4.0	-27.2	84	3.0	-2
Hải Dương	28,8	-0.5	0.4	301	-84.0	6.1	144	-28.0	-36.0	87	1.0	1
Hưng Yên	28,9	-0.2	0.8	366	-176.0	37.9	144	-3.0	-36.0	86	0.0	0
Nam Định	28,8	-0.1	0.2	408	24.0	82.8	149	4.0	-25.1	86	1.0	1
Văn Lý	29,2	0.0	0.5	427	200.0	87.5	185	9.0	5.0	85	1.0	1
Phủ Lý	28,9	-0.4	0.6	388	-232.0	76.0	149	5.0	-22.2	86	3.0	1
Nho Quan	28,7	-0.1	0.6	369	-250.0	17.0	132	-11.0	-30.0	87	1.0	1
Ninh Bình	28,9	-0.3	0.5	363	18.0	61.5	155	18.0	-16.4	84	0.0	-1
Thái Bình	28,4	-0.6	0.1	497	230.0	154.6	158	13.0	-16.0	89	3.0	3

1.5. Vùng Bắc Trung Bộ

1.5.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2020 dao động từ 27,7 đến 29,7°C, ở mức xấp xỉ tháng VIII/2019 và cao hơn TBNN từ 0,1 đến 1,3°C (Hình 10, bảng 5).

Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng dao động từ 32 đến 34°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 39,1°C xảy ra vào ngày 27/VIII/2020 tại Cửa Rào.

Nhiệt độ thấp nhất trung bình tháng VIII/2020 dao động từ 25 đến 27,2°C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 23°C xảy ra vào ngày 29/VIII/2020 tại Quỳnh Châu.

1.5.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa tháng VIII/2020 dao động từ 177mm đến 475mm, cao nhất là 571mm tại Hồi Xuân, phổ biến ở mức cao hơn TBNN từ 37,7mm đến 378,3mm và thấp hơn năm 2019 từ 8mm đến 223mm, riêng một số khu vực ven biển từ Nghệ An đến Hà Tĩnh cao hơn năm 2019 từ 97-376mm. (bảng 5), (Hình 11).

Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất từ 61 đến 262mm.

Số ngày mưa trong tháng dao động từ 7 - 21 ngày. Số ngày mưa liên tục từ 3 đến 12 ngày. Số ngày không mưa liên tục từ 3 đến 11 ngày.

1.5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

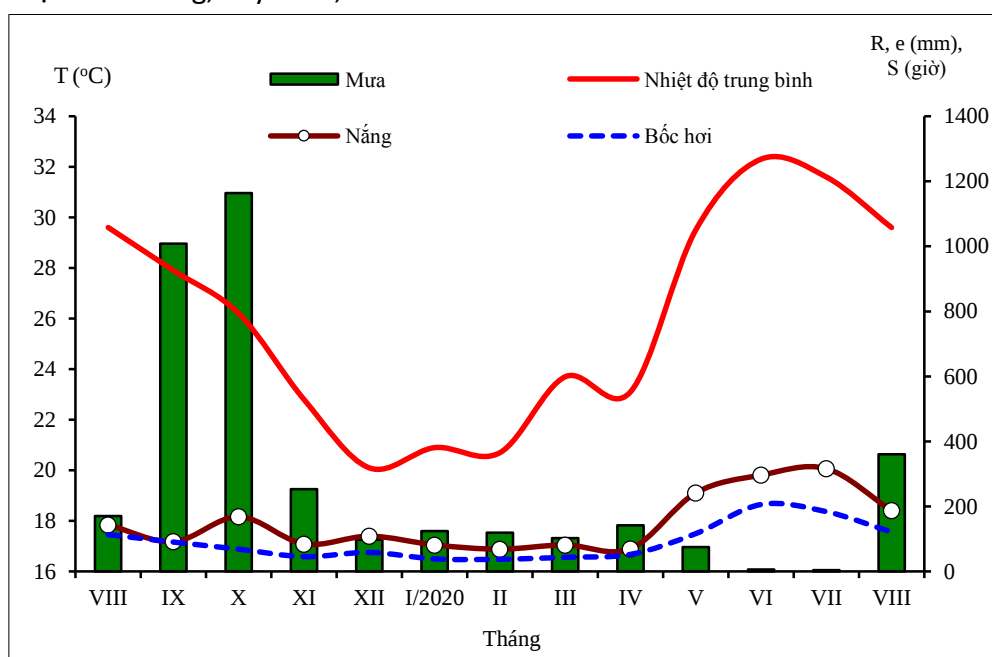
Tổng số giờ nắng trong tháng VIII/2020 dao động từ 142 đến 205 giờ, ở mức cao hơn TBNN từ 12 giờ đến 20 giờ, một số khu vực thấp hơn TBNN một ít như Hồi Xuân, Tĩnh Gia, Hương Khê và phổ biến cao hơn năm 2019 từ 2 đến 44 giờ (Hình 12, bảng 5).

Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 76% đến 90%, ở mức xấp xỉ giá trị TBNN và cao hơn tháng VIII/2019 từ 0% đến 6%. Giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 44% xảy ra vào ngày 11/VIII/2020 tại Tây Hiếu.

Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 46mm đến 140mm, ở mức thấp hơn lượng mưa từ 97mm đến 431mm. Tổng lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 3 đến 9mm.

1.5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở hầu hết các khu vực từ 3 – 21 ngày.
- Thời tiết khô nóng xuất hiện phổ biến từ 1 – 12 ngày trong đó có 1- 2 ngày có cường độ mạnh tại Con Cuông, Tây Hiếu, Vinh.



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng VIII/2019 đến tháng VIII/2020 tại trạm Vinh

Bảng 5. Đặc trưng một số yếu tố khí hậu nông nghiệp vùng Bắc Trung Bộ

Tên trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)			Lượng mưa (mm)			Số giờ nắng (giờ)			Độ ẩm (%)		
	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN
Hồi Xuân	27,9	-0.3	0.9	404	-223.0	86.0	144	-21.0	-9.9	85	-1.0	-3
Yên Định	28,1	-0.3	0.1	356	-89.0	95.8	168	2.0	0.1	90	2.0	3
Thanh Hoá	28,5	-0.5	0.3	388	-1.0	109.7	179	16.0	12.3	87	3.0	2
Như Xuân	28,3	-0.1	0.5	316	-73.0	37.7	166	5.0	6.8	87	0.0	2
Tĩnh Gia	29	-0.1	0.7	317	-87.0	59.0	169	-5.0	-18.2	84	3.0	-1
Quỳ Châu	27,8	-0.2	0.7	475	-8.0	198.8	155	1.0	2.0	89	2.0	1
Quỳ Hợp	27,7	0.1	0.4	384	59.0	83.4	175	31.0	18.4	85	-1.0	-1
Tây Hiếu	28,6	0.3	1.3	264	-41.0	-2.2	151	4.0	-8.2	84	-2.0	-1
Con Cuông	28,7	0.1	1.1	353	17.0	84.8	157	15.0	-3.7	82	1.0	-2
Quỳnh Lưu	29,2	0.2	0.9	177	-87.0	-56.0	176	-9.0	-5.9	86	1.0	2

Đô Lương	29,2	0.3	1.3	288	-86.0	39.4	170	19.0	-1.8	80	-2.0	-4
Vinh	29,6	0.0	0.9	360	190.0	172.0	187	44.0	20.4	77	-1.0	-3
Hà Tĩnh	29,7	0.2	1.2	395	213.0	185.3	192	27.0	11.1	76	0.0	-4
Hương Khê	28,9	0.1	1.2	318	97.0	62.9	142	9.0	-18.8	81	1.0	0
Kỳ Anh	29,6	0.0	0.8	571	376.0	378.3	205	12.0	16.4	78	6.0	2

1.6. Vùng Trung Trung Bộ

1.6.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ trung bình tháng VIII/2020 dao động từ 24,9 đến 29,7°C, ở mức thấp hơn năm 2019 từ 0,2°C đến 1°C và cao hơn TBNN từ 0 đến 1°C (Hình 10, bảng 6).

Nhiệt độ cao nhất trung bình tháng VIII/2020 dao động từ 30,1 đến 35,5°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 39°C xảy ra vào ngày 26/VIII/2020 tại Tam Kỳ.

Nhiệt độ thấp nhất trung bình tháng VIII/2020 dao động từ 21,5 đến 26,8°C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 19,9°C xảy ra vào ngày 30/VIII tại A Lưới (Thừa Thiên Huế).

1.6.2. Diễn biến về lượng mưa

Tổng lượng mưa trong tháng VIII/2020 dao động từ 63mm đến 279mm cao nhất là tại Tuyên Hóa (411mm) và Trà My (341mm), phổ biến ở mức cao hơn TBNN từ 49mm đến 139,3mm, riêng tại trạm Khe Sanh, Đà Nẵng, Tam Kỳ, Quảng Ngãi thấp hơn TBNN từ 12,4mm và 125mm (Hình 6), (Hình 11), tổng lượng mưa tháng thấp hơn năm 2019 từ 7mm đến 255mm (bảng 6).

Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất ở vùng phía Bắc phổ biến từ 25 đến 139mm cao nhất là 229mm xảy ra vào ngày 2/VIII tại Tuyên Hóa.

Số ngày mưa trong tháng dao động từ 9 đến 25 ngày; số ngày mưa liên tục từ 2 đến 10 ngày; số ngày không mưa liên tục từ 2 đến 13 ngày.

1.6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 146 đến 218 giờ, ở mức cao hơn năm 2019 từ 8 đến 66 giờ và thấp hơn TBNN từ 5 đến 36 giờ, riêng tại khu vực trạm Đồng Hới, Đông Hà, Huế cao hơn TBNN từ 6 giờ đến 19 giờ. (Hình 12) và (Bảng 6).

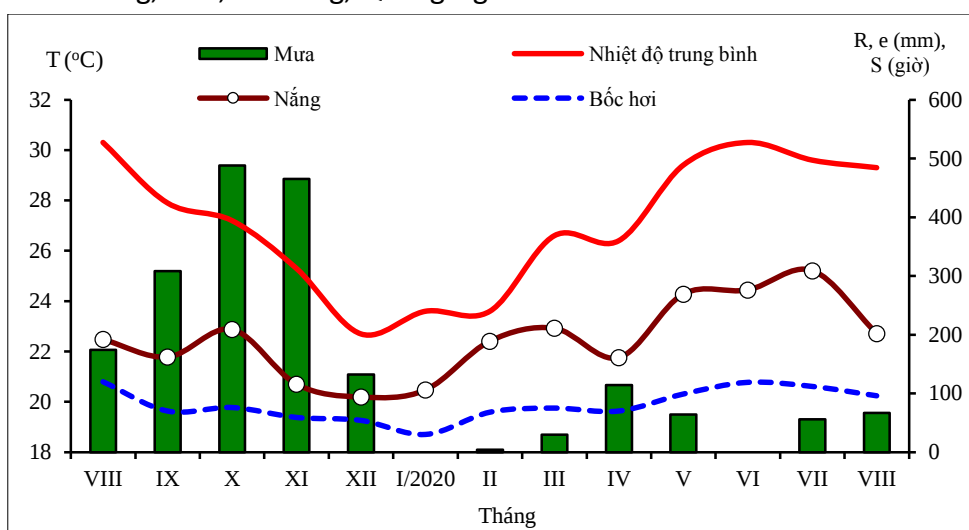
Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 75% đến 88%, ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 1% đến 7% và cao hơn năm 2019 từ 2% đến 6%. Giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 39% xảy ra ngày 26/VIII/2020 tại Đông Hà và ngày 26/VIII/2020 tại Đà Nẵng.

Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 47mm đến 153mm, ở mức thấp hơn tổng lượng mưa tháng từ 62mm đến 294mm riêng một số khu vực như Đông Hà, Đà Nẵng, Quảng Ngãi cao hơn lượng mưa từ 3mm - 9mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất dao động từ 4 đến 11mm.

1.6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở hầu hết các khu vực từ 4 – 18 ngày.

- Thời tiết khô nóng xuất hiện từ 1 – 11 ngày trong đó có 1 - 2 ngày xảy ra với cường độ mạnh tại Nam Đông, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi.



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng VIII/2019 đến tháng VIII/2020 tại trạm Đà Nẵng

Bảng 6. Đặc trưng một số yếu tố khí hậu nông nghiệp vùng Trung Trung Bộ

Tên trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)			Lượng mưa (mm)			Số giờ nắng (giờ)			Độ ẩm (%)		
	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN
Đồng Hới	29,6	-0.2	0.5	203	-7.0	62.6	195	48.0	19.0	76	3.0	1
Ba Đồn	29,7	0.1	1.0	279	-8.0	139.3	199	49.0	6.8	76	-3.0	-1
Đồng Hà	29,2	0.1	0.4	128	-255.0	-12.4	211	66.0	13.1	78	3.0	6
Khe Sanh	25,6	0.3	1.0	179	-240.0	-125.0	146	66.0	-9.1	88	-1.0	-1
Huế	28,9	-0.7	0.0	153	-61.0	49.0	218	52.0	17.0	81	4.0	7
Nam Đông	28	-0.8	0.4	254	34.0	78.0	185	39.0	-7.8	84	6.0	3
Đà Nẵng	29,3	-1.0	0.5	67	-107.0	-36.0	202	10.0	-5.4	75	4.0	-2
Tam Kỳ	29	-0.4	0.2	72	-103.0	-42.3	191	14.0	-35.6	81	2.0	6
Trà My	27,3	-0.8	0.4	341	232.0	138.8	176	8.0	-16.3	87	2.0	3
Quảng Ngãi	29,5	-0.8	0.7	63	-57.0	-58.8	204	-7.0	-29.9	78	4.0	-3

1.7. Vùng Nam Trung Bộ

1.7.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ trung bình tháng VIII/2020 dao động từ 28 đến 30,1°C, phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 0,8 đến 1,7°C (Hình 10, bảng 7) và thấp hơn nhiệt độ trung bình tháng VIII/2019 từ 0.6 đến 1.4°C.

Nhiệt độ cao nhất trung bình tháng VIII/2020 dao động từ 32,2 đến 35,5°C, giá trị cao nhất là 38,2°C xảy ra vào ngày 26/VIII/2020 tại Quy Nhơn.

Nhiệt độ thấp nhất trung bình tháng VIII/2020 dao động từ 25,6 đến 27,8°C, giá trị

thấp nhất là 23,6°C, xảy ra vào ngày 18/VIII/2020 tại Hoài Nhơn.

1.7.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa tháng VIII/2020 dao động từ 69 đến 152mm, phổ biến ở mức cao hơn TBNN từ 22,3mm đến 54,3mm và cao hơn năm 2019 từ 33mm đến 49mm (Bảng 7), (Hình 11).

Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 21 đến 67mm.

Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương dao động từ 8 đến 18 ngày. Số ngày mưa liên tục 3 -6 ngày. Số ngày không mưa liên tục trong tháng từ 7 đến 10 ngày.

1.7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

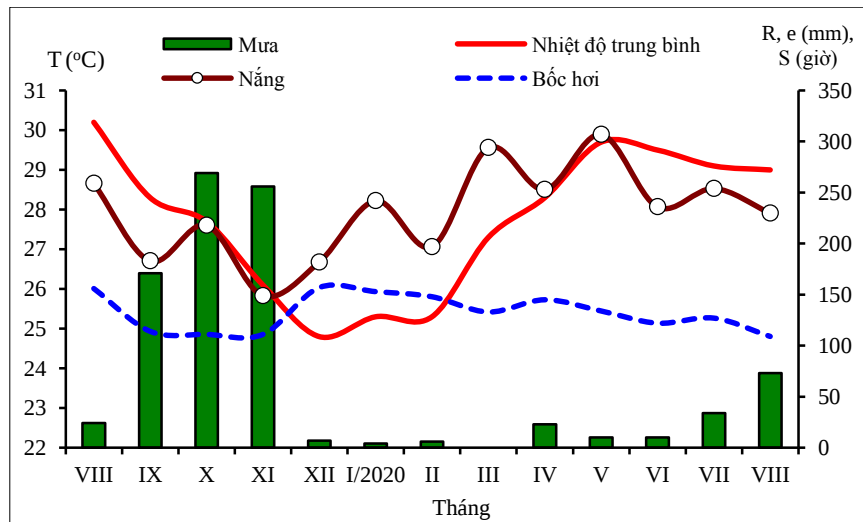
Tổng số giờ nắng tháng VIII/2020 dao động từ 224 đến 255 giờ, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn TBNN từ 24 giờ đến 59 giờ (Hình 12) và thấp hơn năm 2019 từ 9 đến 29 giờ (bảng 7).

Độ ẩm không khí trung bình tháng dao động từ 72 đến 82%, phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (Hình 13, bảng 7); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 44% xảy ra vào ngày 28/VIII/2020 tại Tuy Hòa.

Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 83 đến 149mm và ở mức cao hơn tổng lượng mưa tháng từ 15mm đến 40mm, riêng tại Phan Thiết thấp hơn lượng mưa 38mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 4 đến 9mm.

1.7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Thời tiết khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 5 - 9 ngày với cường độ nhẹ, xuất hiện nhiều nhất là tại Tuy Hòa (17 ngày trong đó 1 ngày với cường độ mạnh).
- Đông xuất hiện ở hầu hết các khu vực từ 5– 9 ngày.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng VIII/2019 đến tháng VIII/2020 tại trạm Nha Trang

Bảng 7. Đặc trưng một số yếu tố khí hậu nông nghiệp vùng Nam Trung Bộ

Tên trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)			Lượng mưa (mm)			Số giờ nắng (giờ)			Độ ẩm (%)		
	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN
Quy Nhơn	30,1	-1.4	0.3	88	33.0	29.4	224	-20.0	-9.2	72	7.0	0

Tuy Hoà	29,9	-0.6	1.1	106	74.0	54.3	249	-9.0	24.0	73	6.0	-3.0
Nha Trang	29	-1.2	0.8	73	49.0	22.3	230	-29.0	-9.5	77	6.0	-1
Phan Thiết	28	0.5	1.0	121	-45.0	-54.3	255	37.0	58.8	82	-3.0	0

1.8. Vùng Tây Nguyên

1.8.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ trung bình tháng VIII/2020 dao động từ 19,7 đến 27,8°C, ở mức cao hơn tháng VIII/2019 từ 0,2 đến 0,7°C (Hình 8) và cao hơn giá trị TBNN từ 0,8 đến 1,7°C (Hình 10).

Nhiệt độ cao nhất trung bình tháng VIII/2020 dao động từ 24 đến 33,1°C; giá trị cao nhất là 35,5°C xảy ra vào ngày 30/VIII/2020 tại Ayunpa.

Nhiệt độ thấp nhất trung bình tháng VIII/2020 dao động từ 16,9 đến 25°C, giá trị thấp nhất là 15,2°C xảy ra vào ngày 16/VIII/2020 tại Đà Lạt.

1.8.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa tháng VIII/2020 dao động từ 134 đến 374mm, cao nhất là tại Play Cu 452mm. Hầu hết các khu vực cao hơn giá trị TBNN từ 34,8mm đến 72,2mm ngoại trừ Play Cu, Đắc Nông, Bảo Lộc thấp hơn TBNN từ 40,6mm đến 111mm, (Hình 11, bảng 8).

Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 39 đến 104mm.

Số ngày mưa ở các nơi trong vùng dao động từ 17 đến 25 ngày. Số ngày mưa liên tục từ 6 đến 21 ngày. Số ngày không mưa liên tục từ 1 đến 10 ngày.

1.8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

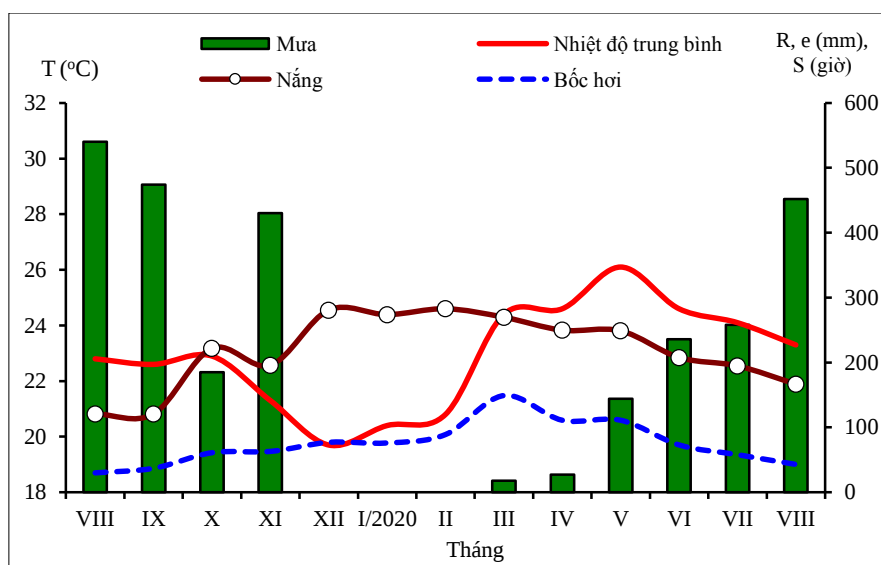
Tổng số giờ nắng tháng VIII/2020 phổ biến từ 112 giờ đến 217 giờ, ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 11 giờ đến 49 giờ và cao hơn năm 2019 từ 11 đến 46 giờ (Hình 12).

Độ ẩm không khí trung bình tháng VIII/2020 phổ biến từ 79% – 91%, ở mức thấp hơn giá trị TBNN từ 1 đến 11% (Hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất là 20% xảy ra vào ngày 28/VIII/2020 tại Liên Khương.

Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 32 đến 94mm, ở mức thấp hơn lượng mưa từ 245mm đến 409mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 2 đến 5mm.

1.8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở hầu hết các khu vực từ 4 - 12 ngày.
- Thời tiết khô nóng chỉ xuất hiện ở khu vực trạm CheoReo 2 ngày với 1 ngày cường độ mạnh.



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng VIII/2019 đến tháng VIII/2020 tại trạm Plây Cu

Bảng 8. Đặc trưng một số yếu tố khí hậu nông nghiệp vùng Tây Nguyên

Tên trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)			Lượng mưa (mm)			Số giờ nắng (giờ)			Độ ẩm (%)		
	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN
Kon Tum	25,2	0.2	1.1	374	123.0	34.8	131	11.0	18.3	85	-2.0	-2
Plây Cu	23,3	0.5	1.1	452	-88.0	-40.6	167	46.0	49.3	91	-3.0	-1
Buôn Mê Thuột	25,5	0.2	1.3	365	-151.0	72.2	193	30.0	31.3	84	0.0	-3
Đắc Nông	24,2	0.4	1.7	356	-171.0	-108.5	130	41.0	-3.2	89	-2.0	-3
Đà Lạt	19,7	0.5	0.8	277	-7.0	67.8	155	15.0	11.4	89	1.0	0
Bảo Lộc	23,2	0.7	1.4	290	-413.0	-111.0	168	37.0	48.9	80	-11.0	-11

1.9. Vùng Nam Bộ

1.9.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2020 phổ biến từ 26,6 đến 29°C, ở mức cao hơn tháng VIII/2019 từ 0,1 đến 0,9°C (Hình 9, bảng 9) và cao hơn TBNN từ 0,3 đến 1,9°C (Hình 10).

Nhiệt độ cao nhất trung bình tháng VIII/2020 dao động từ 31,2 đến 33,7°C, giá trị cao nhất là 36,3°C xảy ra vào ngày 25/VIII/2020 tại Tân Sơn Nhất

Nhiệt độ thấp nhất trung bình tháng VIII/2020 dao động từ 23,7 đến 26,3°C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 22°C xảy ra vào ngày 15/VIII/2020 tại Phước Long.

1.9.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa tháng VIII/2020 phổ biến từ 108 đến 404mm, ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 10,1mm đến 141,7mm, ngoại trừ 1 số khu vực vùng ven biển và bán đảo Cà Mau

thấp hơn TBNN từ 15,8 đến 146,5mm (bảng 9)

Lượng mưa ngày lớn nhất dao động từ 20 đến 107mm, cao nhất là 146mm xảy ra ngày 1/VIII/2020 tại Rạch Giá.

Số ngày mưa trong tháng dao động từ 12 đến 26 ngày. Số ngày không mưa liên tục từ 2 đến 11 ngày. Số ngày mưa liên tục từ 3 đến 14 ngày.

1.9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng tháng VIII/2020 phổ biến từ 130 giờ đến 207 giờ; ở mức cao giá trị TBNN từ 0 giờ đến 49 giờ, và cao hơn năm 2019 từ 7 giờ đến 68 giờ. (Hình 12).

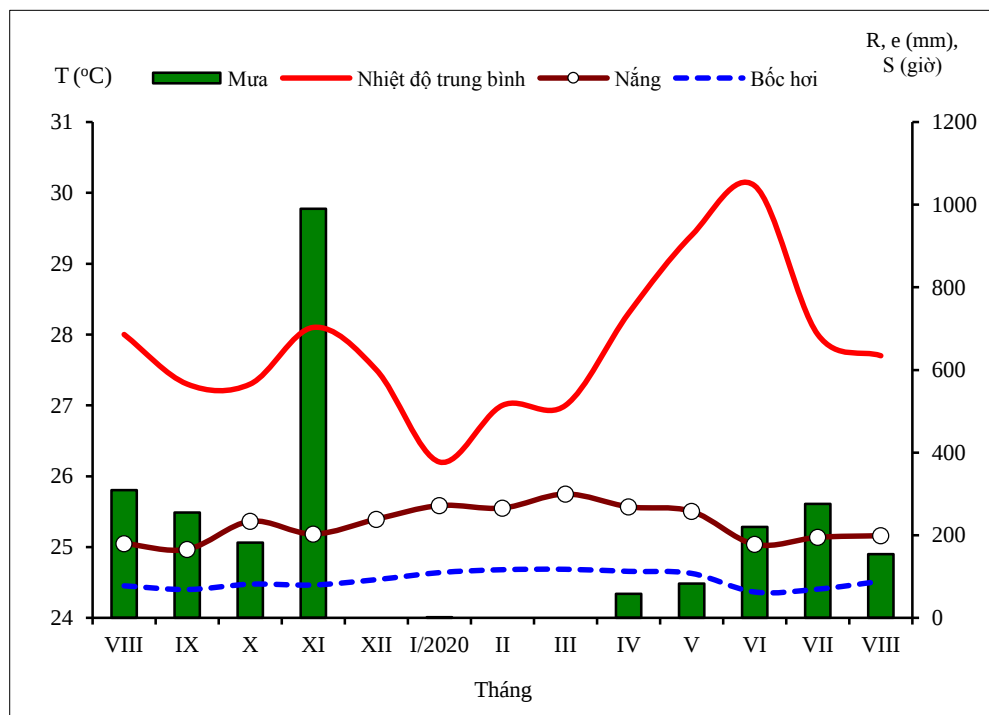
Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 73% đến 89%, ở mức thấp hơn giá trị TBNN 1% đến 10% (Hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 40% xảy ra vào ngày 5/VIII/2020 tại Tân Sơn Nhất.

Tổng lượng bốc hơi tháng dao động từ 45 đến 97mm, ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa từ 23mm đến 319mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 6mm.

1.9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở hầu hết các khu vực từ 3 - 18 ngày, nhiều nhất là tại Ba Tri xảy ra 25 ngày.

- Thời tiết khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 3 ngày, khu vực xảy ra nhiều nhất là tại Biên Hòa (10 ngày), Tân Sơn Nhất (13 ngày).



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng VIII/2019 đến tháng VIII/2020 tại trạm Cần Thơ

Bảng 9. Đặc trưng một số yếu tố khí hậu nông nghiệp vùng Nam Bộ

Tên trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)			Lượng mưa (mm)			Số giờ nắng (giờ)			Độ ẩm (%)		
	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN	Tháng VIII/2020	So với VIII/2019	So với TBNN
Tây Ninh	28,1	0.7	1.3	108	-95.0	-116.8	199	11.0	6.2	86	3.0	2
Tân Sơn Nhất	29	0.5	1.9	358	186.0	88.2	174	7.0	1.8	73	-3.0	-10
Vũng Tàu	28,3	0.1	0.9	270	44.0	92.4	192	-8.0	-5.9	81	0.0	0
Mộc Hoá	27,7	0.4	0.3	234	95.0	74.8	204	24.0	5.4	87	1.0	3
Mỹ Tho	28,2	0.8	1.4	181	-26.0	18.9	196	11.0	-2.0	83	-1.0	-2
Cao Lãnh	28,2	0.9	1.0	186	-63.0	10.1	207	38.0	18.8	82	-3.0	-4
Càng Long	27,9	0.8	1.2	122	-179.0	-146.5	176	8.0	6.3	86	-1.0	-1
Châu Đốc	28,3	0.8	0.8	183	16.0	30.8	184	31.0	0.6	80	-4.0	-3
Cần Thơ	28	0.7	1.3	154	-155.0	-62.8	199	19.0	19.7	82	-3.0	-4
Sóc Trăng	28	0.7	1.0	250	-11.0	-15.8	193	16.0	34.7	82	-3.0	-6
Rạch Giá	29	0.9	1.2	301	-186.0	-28.8	190	17.0	27.6	80	-4.0	-6
Bạc Liêu	28,1	0.5	1.4	386	-18.0	141.7	202	24.0	40.3	85	-1.0	-3
Cà Mau	28,4	0.8	1.4	238	-225.0	-110.6	199	68.0	49.4	82	-4.0	-5

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VIII/2020

Tháng VIII/2020 điều kiện khí tượng nông nghiệp ở hầu hết các vùng trong cả nước tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Lượng mưa lớn, số ngày mưa nhiều, phân bố đều trong tháng, kết hợp với nền nhiệt và số giờ nắng khá, gió tây khô nóng giảm hẳn so với các tháng trước tạo điều kiện cho cây trồng sinh trưởng và phát triển thuận lợi. Tuy nhiên vào đầu tháng do ảnh hưởng của cơn bão số 2 đã gây mưa lớn ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, và một số tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc gây thiệt hại đến người và tài sản.

Ngoài ra, gió tây khô nóng vẫn còn hoạt động mạnh ở khu vực Miền Trung nên xảy ra tình hình thiếu nước cục bộ cho sản xuất nông nghiệp; khu vực đồng bằng Sông Cửu Long lũ và triều cường cũng ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp ở khu vực này

Thiên tai xảy ra trong tháng VIII/2020 chủ yếu là bão, mưa lớn, sạt lở, lốc xoáy tại một số địa phương làm 7 nghìn ha lúa và 2,9 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng. Cụ thể:

- Cơn bão số 2 gây thiệt hại tại nghệ an có hơn 100ha lúa bị ngập úng, tại Hà Tĩnh có 2.421ha lúa và 21 ha hoa màu bị ngập úng.
- Tại Đắk Lắk mưa lớn làm 183ha lúa, 4.208 ha cây trồng bị thiệt hại; 17.070 con gia cầm, 61 con gia súc bị trôi; 28 ha ao cá bị thiệt hại.
- Tại Bạc Liêu: Hơn 390 ha lúa hè thu bị ngập
- Tại Kiên Giang mưa lớn kèm lốc xoáy đã làm 1.345ha diện tích trồng chuối tại huyện U Minh Thượng bị đổ ngã, gây thiệt hại trên 70%, 20 ha lúa hè thu bị ngập.

- Tại Hậu Hậu Giang đã có 718 ha lúa hè thu bị đổ ngã, gây thiệt hại năng suất từ 5-20% và 1.615ha lúa thu đông bị ngập úng, thiệt hại 5-50%.

- Mưa lớn ngày 18/VIII đã gây ảnh hưởng tới một số tỉnh như: tại Hà Giang có 125 ha lúa, ngô và hoa màu bị ngập úng, nước cuốn trôi; Tại Yên Bái mưa lớn nhấn chìm 154,7 ha lúa và hoa màu

Trong tháng các địa phương Miền Bắc tiếp tục hoàn thành kế hoạch gieo trồng lúa mùa, tập trung làm cỏ, bón phân, tưới dưỡng cho lúa, phòng trừ sâu bệnh bảo vệ lúa và các cây rau, màu vụ hè thu - thu đông đồng thời tranh thủ gieo cấy các loại cây rau màu đang còn thời vụ, các tỉnh trung du và miền núi, Bắc Trung Bộ, đồng bằng Bắc Bộ tập trung khắc phục hậu quả của các trận mưa lớn do bão gây ra.

2.1. Đối với cây lúa

Lúa Mùa: Tính đến cuối tháng, cả nước gieo cấy được 1.447,2 nghìn ha lúa mùa, bằng 99% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 1.047,2 nghìn ha, bằng 98,5%; các địa phương phía Nam đạt 400 nghìn ha, bằng 100,3%. Diện tích gieo cấy lúa mùa ở các địa phương phía Bắc giảm so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do đầu vụ nắng nóng kéo dài và do chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ. Trong tháng, mặc dù lượng mưa lớn, tập trung nhưng các địa phương đã chủ động bơm, tiêu nước kịp thời nên không gây ngập úng cục bộ, cây lúa sinh trưởng và phát triển tốt. Tuy nhiên, trên các trà lúa đang bắt đầu xuất hiện rải rác một số loại sâu bệnh gây hại nhẹ như sâu cuốn lá nhỏ, khô vằn.

Khu vực phía Bắc, lúa Mùa đang trong giai đoạn mọc dóng đến trổ bông, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến khá (bảng 10)

Ở các tỉnh Miền Trung, hầu hết các tỉnh Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ đang là giai đoạn cuối mùa khô, do ảnh hưởng của gió tây khô nóng làm thời tiết nóng bức. Nhiều khu vực từ Thanh Hóa đến Nha Trang có trên 10 ngày có gió tây khô nóng (Con Cuông, Cửa Rào, Hương Khê, Đông Hà, Quảng Ngãi, Tuy Hòa) làm lượng bốc hơi cao hơn rất nhiều so với lượng mưa, dẫn đến tình trạng thiếu nước cục bộ cho SXNN, ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất lúa mùa.

Ở các tỉnh Miền Nam và Tây Nguyên, do lượng mưa và số ngày mưa nhiều, phân bố đều trong tháng nên rất thuận lợi cho lúa mùa sinh trưởng và phát triển.

Lúa Hè thu và Thu đông: Cả nước gieo cấy được 1.945,4 nghìn ha, giảm 64,1 nghìn ha so với vụ hè thu năm trước do ảnh hưởng của hạn hán và xâm nhập mặn; riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long giảm 44,1 nghìn ha. Tính đến cuối tháng, cả nước thu hoạch được 942,4 nghìn ha lúa hè thu, chiếm 48,4% diện tích gieo cấy và bằng 88,8% cùng kỳ năm trước, tập trung chủ yếu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long với 875,1 nghìn ha, chiếm 57,4% diện tích xuống giống và bằng 87,7% cùng kỳ năm trước. Theo báo cáo của các địa phương, lúa hè thu năm nay được mùa với năng suất ước tính đạt 55,3 tạ/ha, tăng 0,8 tạ/ha so với vụ hè thu

năm 2019 nhưng do diện tích gieo cấy giảm nên sản lượng toàn vụ ước tính đạt 10,76 triệu tấn, giảm 184,8 nghìn tấn. Một số địa phương sản lượng giảm nhiều so với vụ hè thu năm trước do diện tích giảm là: Tiền Giang giảm 89,3 nghìn tấn; Đồng Tháp giảm 34,8 nghìn tấn; Vĩnh Long giảm 13,8 nghìn tấn; Cần Thơ giảm 12,8 nghìn tấn.

Đến cuối tháng, vùng Đồng bằng sông Cửu Long xuống giống được 355,7 nghìn ha lúa thu đông, bằng 99,2% cùng kỳ năm trước. Năm nay có tháng nhuận và do ảnh hưởng xâm nhập mặn nên tiến độ xuống giống chậm hơn cùng kỳ năm trước. Hiện nay, lúa thu đông chủ yếu ở giai đoạn làm đòng đến chắc xanh, sinh trưởng và phát triển khá tốt.

2.2. Đối với các loại rau màu

Tính đến cuối tháng, các địa phương trên cả nước gieo trồng được 833,6 nghìn ha ngô, bằng 97,4% cùng kỳ năm trước; 94,1 nghìn ha khoai lang, bằng 93,2%; 153,4 nghìn ha lạc, bằng 96,8%; 37,1 nghìn ha đậu tương, bằng 92,8%; 914,5 nghìn ha rau đậu, bằng 98,5%.

Ở Mộc Châu, Phú Hộ, Ba Vì: Chè đang trong giai đoạn chè lớn búp hái, chè lớn lá thật 1, trạng thái sinh trưởng từ kém đến khá (bảng 1).

Ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ: Cà phê đang trong giai đoạn hình thành quả, trạng thái sinh trưởng trung bình.

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng VIII/2020

TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Điện Biên	Cây lúa thời kỳ mọc dóng	Trung bình	06cm	
2		Văn Chấn	Cây lúa thời kỳ chắc xanh	Trung bình	01cm	
3		Tuyên Quang	Cây lúa thời kỳ đẻ nhánh	Trung bình	02cm	
4		Mộc Châu	Cây chè lá thật thứ nhất	Khá	Ấm	
5	Đông Bắc	Lạng Sơn	Cây lúa thời kỳ đẻ nhánh	Khá	06cm	
6		Bắc Giang	Cây lúa thời kỳ đẻ nhánh	Khá	06cm	
7		Uông Bí	Cây lúa thời kỳ đẻ nhánh	Khá	06cm	
8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Cây chè lá thứ nhất	Trung bình	Ấm TB	
9		Ba Vì	Cây chè thời kỳ nảy chồi	Trung bình	Ấm TB	
10	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Cây lúa thời kỳ trổ bông	Trung bình	10cm	
11		Hải Dương	Cây lúa thời kỳ đẻ nhánh	Khá	06	

TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
12		Hưng Yên	Cây lúa thời kỳ đẻ nhánh	Khá	06cm	
13		Nam Định	Cây lúa thời kỳ mọc dón	Khá	07cm	
14		Thái Bình	Cây lúa thời kỳ mọc dón	Trung bình	04cm	
15		Ninh Bình	Cây lúa thời kỳ đẻ nhánh	Trung bình	06cm	
16	Bắc Trung Bộ	Thanh Hóa	Cây lúa thời kỳ trổ bông	Trung bình	06cm	
17		Yên Định	Cây lạc thời kỳ lá thứ 3	Trung bình	Ẩm	
		Yên Định	Cây đậu tương ra nụ	Trung bình	Ẩm	
18		Đô Lương	Cây lúa thời kỳ ngâm sữa	Trung bình	06cm	
19		Quỳnh Lưu	Cây lúa thời kỳ chắc xanh	Khá	06cm	
20		Huế	Thu hoạch			
21	Trung Bộ	Tuy Hòa	Cây lúa thời kỳ mọc dón	Khá	07cm	
22		An Nhơn	Cây lúa thời kỳ chín hoàn toàn	Khá	01cm	
23	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê thời kỳ hình thành quả	Tốt	02	
24		Pleiku	Chuyển vụ			
25	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê thời kỳ hình thành quả	Trung bình	01	
26		Trà Nóc	Chuyển vụ			
27		Mỹ Tho	Cây lúa thời kỳ chắc xanh	Trung bình	06cm	
28		Bạc Liêu	Cây lúa thời kỳ ngâm sữa	Khá	07cm	

2.3. Tình hình sâu bệnh

- **Rầy hại lúa:** Diện tích nhiễm 91.774,1 ha, nhiễm nặng 2.034 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Thái Bình, Điện Biên, Quảng Ninh, Yên Bái, Phú Thọ, Hải Phòng, Ninh Bình, Hải Dương, Hà Nam, Tiền Giang, Sóc Trăng, Long An, Kiên Giang, Đồng Tháp, ...

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích nhiễm 218.657,9 ha, nhiễm nặng 159.938 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Hải Phòng, Ninh Bình, Hà Nam, Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang, Bạc Liêu, Tiền Giang, Trà Vinh, ...

- **Sâu đục thân 2 chấm:** Diện tích nhiễm 1.095,7 ha. Phân bố tập trung tại Sóc Trăng, Long An, Hậu Giang, Đồng Tháp, Nghệ An, Hà Tĩnh, Ninh Bình, Hà Nội, Yên Bái, ...

- **Bệnh lùn sọc đen:** Diện tích nhiễm 7,6 ha, nhiễm nặng 1,5 ha tại Nghệ An. Phân bố tại các tỉnh Nghệ An (7 ha), Hòa Bình, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Hải Phòng, Bắc Kạn.

- **Bệnh vàng lá di động:** Diện tích nhiễm 113,2 ha. Phân bố tại các tỉnh Hà Tĩnh, Bắc Giang, Hải Dương.

- **Bệnh đạo ôn:**

+ **Bệnh đạo ôn lá:** Diện tích nhiễm 19.926,7 ha, nhiễm nặng 127,7 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Long An, Kiên Giang, Sóc Trăng, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, ...

+ **Bệnh đạo ôn cổ bông:** Diện tích nhiễm 10.392,5 ha, nhiễm nặng 5 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Hậu Giang, Kiên Giang, Trà Vinh, Long An, Lâm Đồng, Bình Thuận, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Điện Biên, Lào Cai, Lai Châu,...

- **Bệnh khô vằn:** Diện tích nhiễm 82.875 ha, nhiễm nặng 3.585 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Điện Biên, Phú Thọ, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Khu 4,

- **Bệnh đen lép hạt:** Diện tích nhiễm 27.714,8 ha, nhiễm nặng 817 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh như Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, An Giang, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Bình Định, Quảng Nam, Nghệ An, TT Huế,...

- **Bệnh bạc lá:** Diện tích nhiễm 8.872,4 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh Kiên Giang, Bạc Liêu, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Sóc Trăng, Phú Thọ, Lai Châu, Yên Bái,...

- **Chuột:** Diện tích nhiễm 8.874,6 ha, nhiễm nặng 338 ha. Phân bố chủ yếu ở Bạc Liêu, Hậu Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng, An Giang, Bình Thuận, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Phú Yên, Đắk Lắk, Khu 4, Vĩnh Phúc, Hà Nội, ...

- **Ốc bươu vàng:** Diện tích nhiễm 1.363,7 ha, đã phòng trừ 2.562 ha. Phân bố chủ yếu ở Vĩnh Long, Hậu Giang, An Giang, Bình Thuận, Đắk Nông, ...

III. KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

3.1. TÓM TẮT NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU 3 THÁNG IX-XI NĂM 2020

Nhiệt độ

ĐTB mùa IX-XI năm 2020 có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN trên đa phần diện tích cả nước, với chuẩn sai phổ biến từ 0 đến 1°C.

Lượng mưa

TLM mùa IX-XI năm 2020 có khả năng thấp hơn TBNN ở Bắc Bộ; xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ.

Các hiện tượng cực đoan

- Hoạt động của XTNĐ: Từ nay đến cuối năm 2020 có khả năng xuất hiện 5 đến 7 cơn trên Biển Đông, trong đó có khoảng 3 đến 4 cơn ảnh hưởng đến nước ta.

- Điều kiện khô/hạn: Mùa khô hạn năm 2020/2021 ở Tây Nguyên và Nam Bộ bắt đầu ở mức muộn hơn đến xấp xỉ TBNN và không khắc nghiệt như mùa khô hạn năm 2019/2020.

3.2. KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng VIII và trên cơ sở dự báo khí hậu 3 tháng IX-XI/2020 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Vùng Bắc Bộ

- Tình hình khí tượng nông nghiệp trong tháng nhìn chung thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên, tháng IX vẫn là tháng cao điểm của mùa mưa, đông nhiều vì vậy các địa phương phía Bắc cần đề phòng dông lốc, mưa lớn gây ngập úng, sạt lở đất;

- Lúa: đang trong giai đoạn đẻ nhánh đến trổ bông, đây là giai đoạn tạo tinh bột vì vậy cần lưu ý:

+ Bón phân đón đòng

+ Thường xuyên thăm đồng để phát hiện bệnh thường xảy ra trong giai đoạn này: cháy bìa lá, đạo ôn và lem lép hạt

- Ngô: đang trong giai đoạn xoáy nõn, trổ cờ, phát triển bắp, cần bón thúc và vun cao gốc

- Do điều kiện khí tượng nông nghiệp thuận lợi cho sâu bệnh phát triển, gây hại nhiều diện tích lúa mùa, các địa phương trong vùng cần có các biện pháp phòng chống sự phát triển và lây lan của sâu bệnh hại lúa và các loại rau màu.

- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét ở những địa hình dốc cao.

2. Vùng Trung Bộ

- Lúa hè thu đang trong giai đoạn làm đòng đến ngậm sữa cần lưu ý giữ mực nước trong ruộng thấp hơn 15cm

- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét ở những địa hình dốc cao.

- Điều kiện khí tượng nông nghiệp thuận lợi cho sâu bệnh phát triển, gây hại nhiều diện tích lúa, các địa phương trong vùng cần có các biện pháp phòng chống sự phát triển và lây lan của sâu bệnh hại lúa và các loại rau màu

3. Tây Nguyên

- Đề phòng sâu bệnh trên lúa hè thu

- Điều kiện thời tiết thuận lợi cho cà phê phát triển, cần đề phòng bệnh gỉ sét, bệnh khô cành, khô quả...

- Đề phòng đông lốc

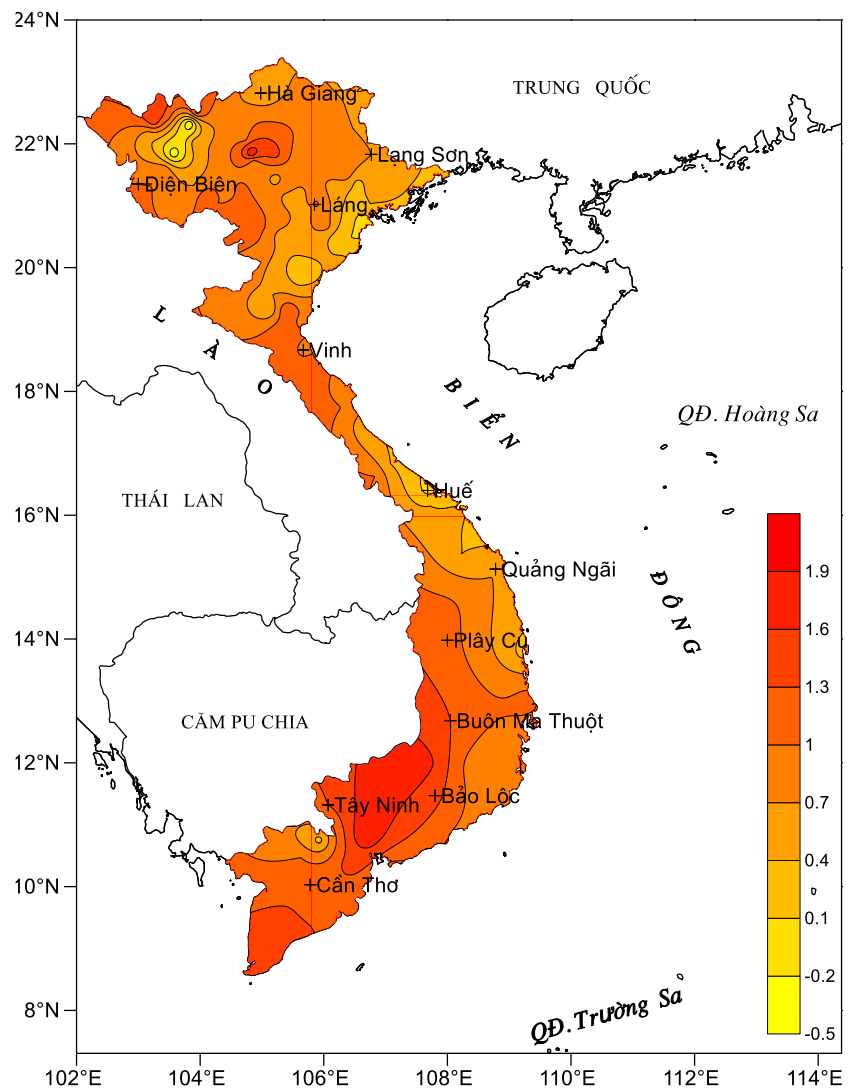
4. Nam Bộ

- Do mưa nhiều ở các tỉnh Nam Bộ, gây khó khăn cho thu hoạch lúa hè thu, các địa phương trong vùng cần tranh thủ thời gian khô ráo để thu hoạch lúa hè thu và có biện pháp thoát nước, phòng sâu bệnh cho trà lúa hè thu đang trong giai đoạn mọc đòng, ngậm sữa.

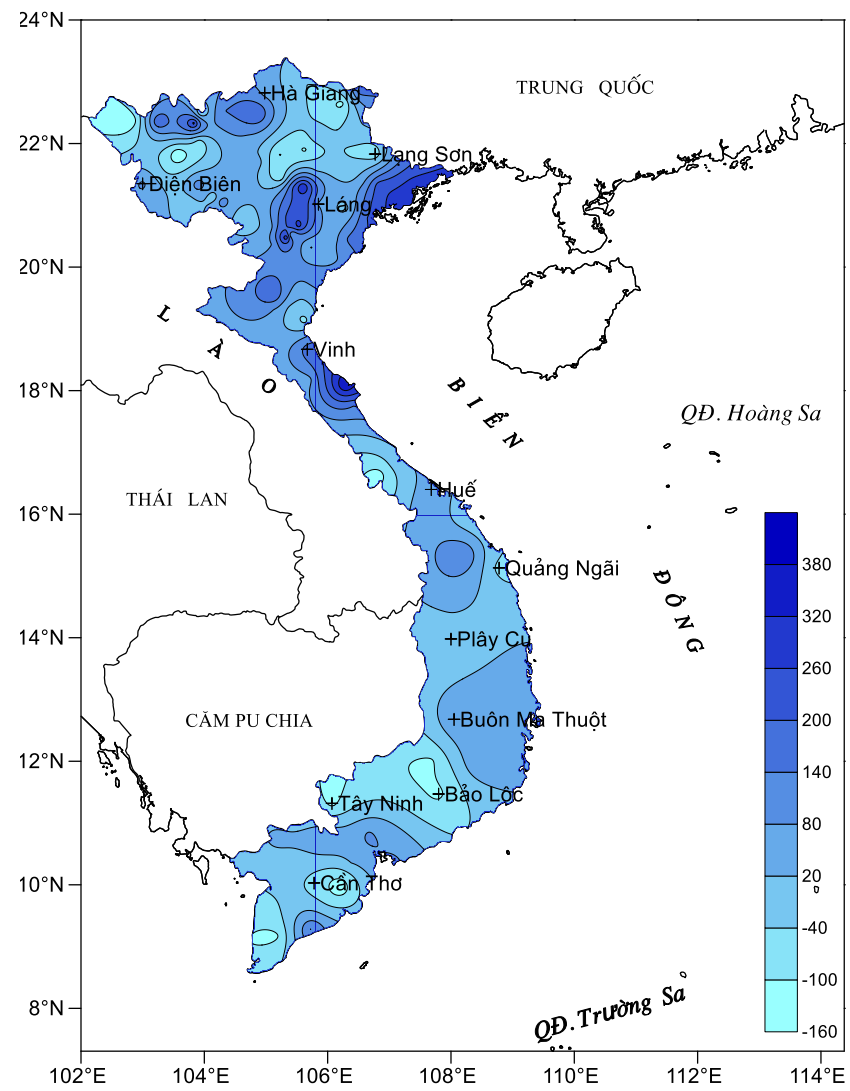
- Tích cực chủ động các biện pháp giảm tác hại của mưa lớn đối với các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê

- Để hạn chế ảnh hưởng của lũ, giảm tỷ lệ hao hụt xuống mức thấp nhất, các địa phương cần tăng cường khuyến cáo người dân chỉ nên sản xuất lúa thu đông ở những nơi có hệ thống thủy lợi nội đồng hoàn chỉnh, chủ động ngăn được lũ hoặc tiêu thoát nước tốt, đồng thời thực hiện tốt các biện pháp phòng trừ sâu bệnh.

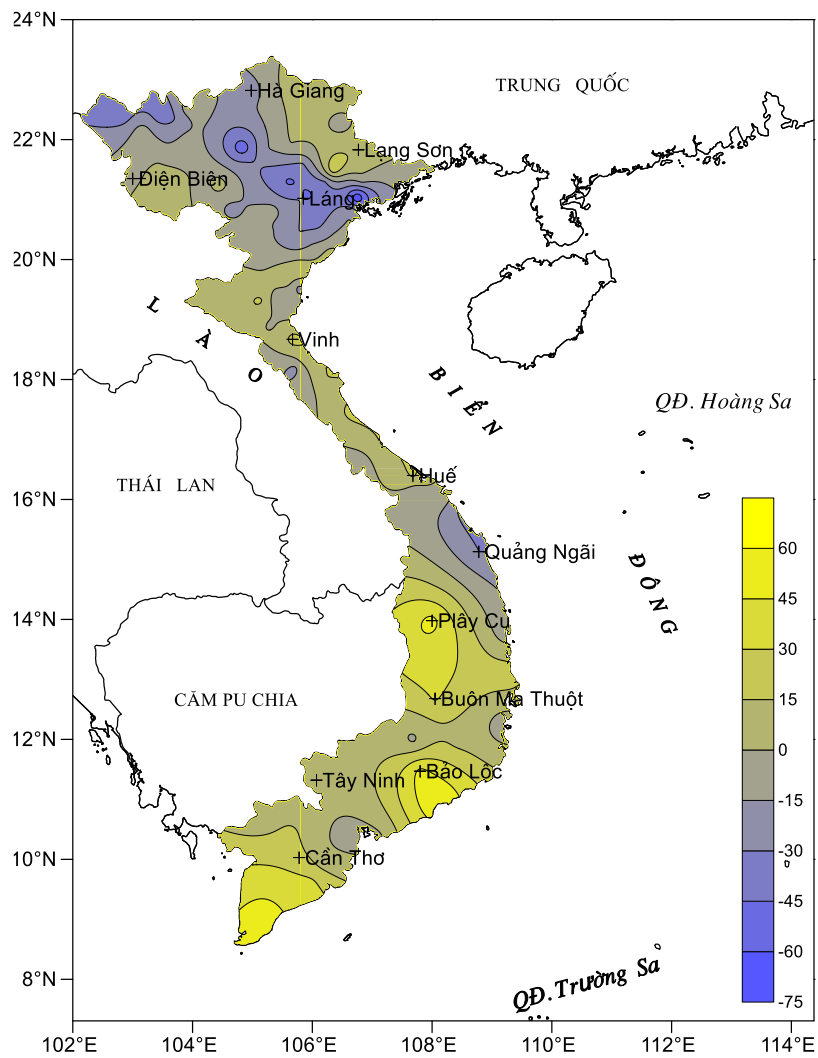
- Đề phòng đông lốc



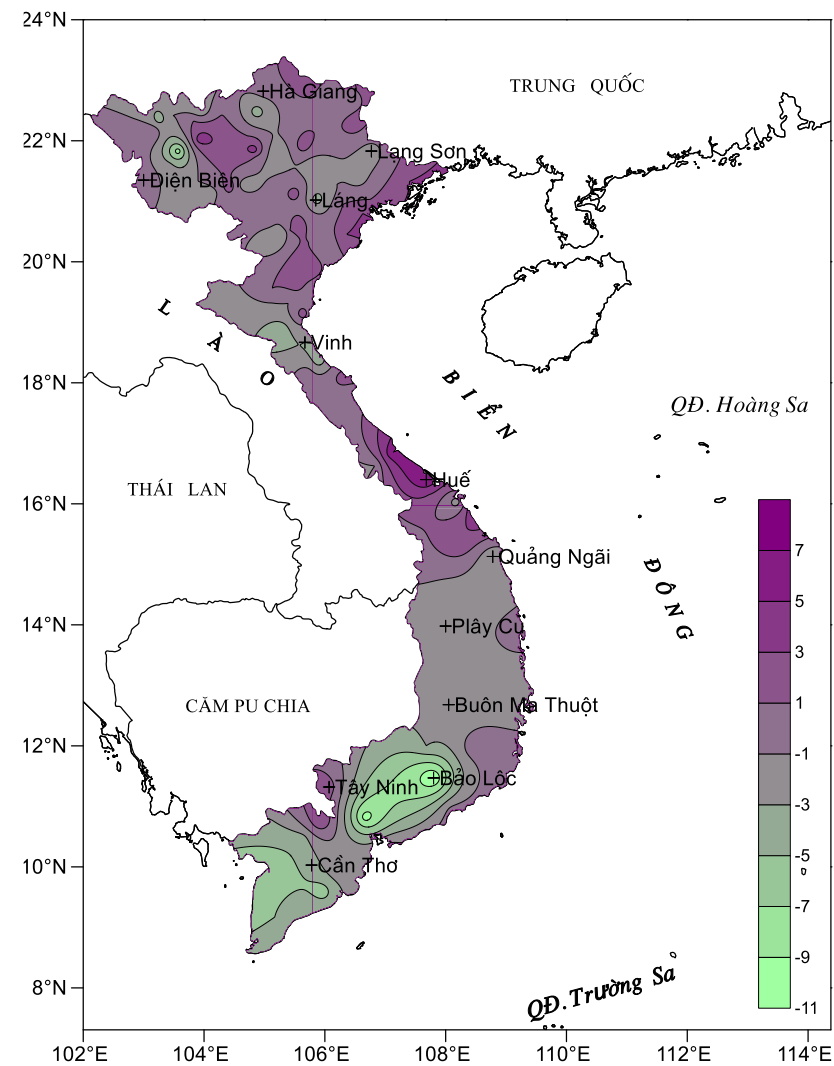
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng VIII/2020 so với TBN (°C)



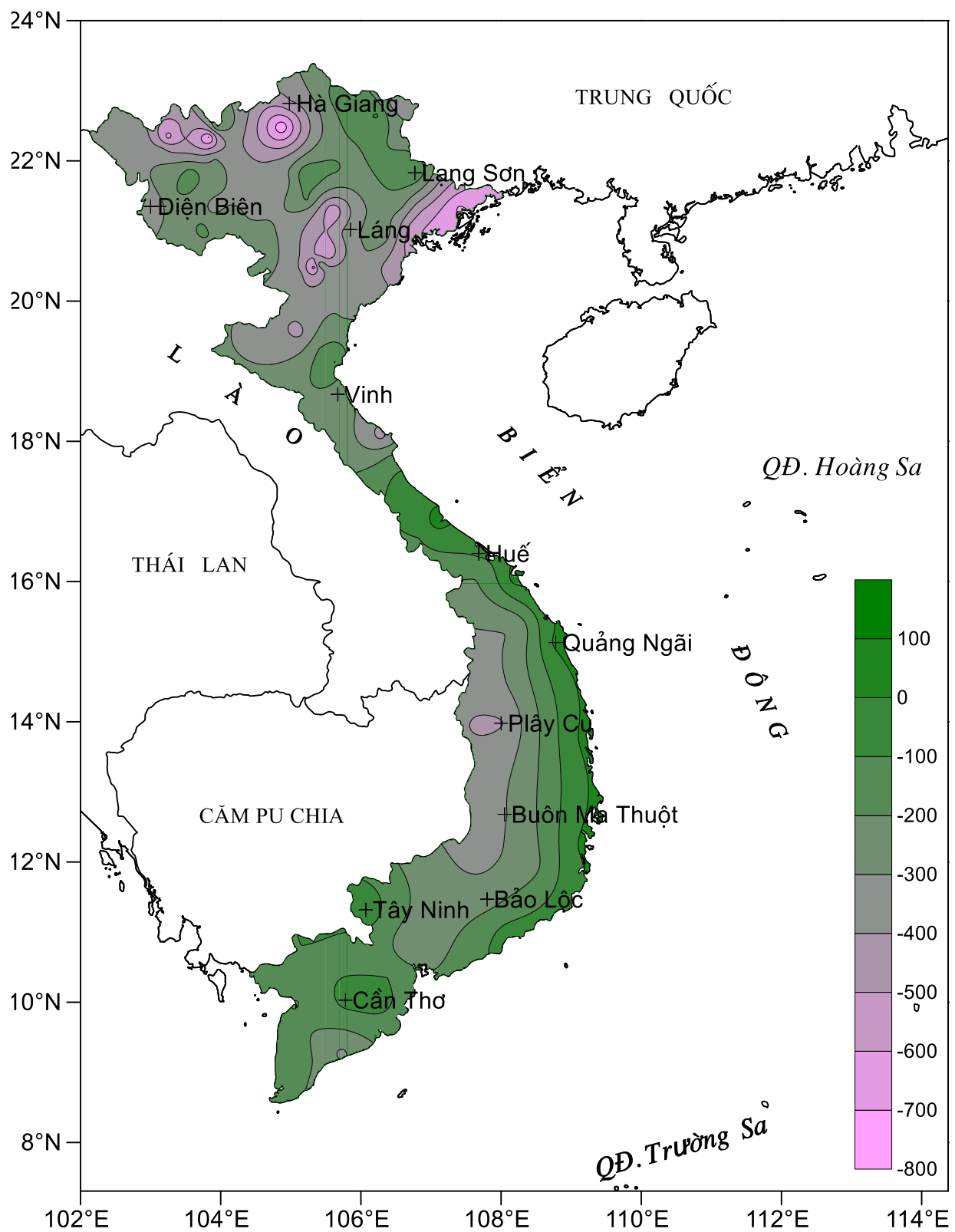
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng VIII/2020 so với TBN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng VIII/2020 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng VIII/2020 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng VIII/2020 (mm)



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP,
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
Số 23/62, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: (84-4) 37733090-2; Fax: (84-4) 38355993

Email: khituongnongnghiep@imh.ac.vn son.nguyenhong@imh.ac.vn

Website: <http://imh.ac.vn/nghep-vu/cat54/Thong-bao-khi-tuong-nong-nghiep>